BÀI GIẢNG: PHONG CÁCH NGÔN NGỮ

MÔN: NGỮ VĂN 12

GIÁO VIÊN: ĐỖ ĐINH LINH VŨ

MỤC TIÊU

- ✓ *Nắm được lý thuyết về phong cách ngôn ngữ*
- ✓ *Nhận biết và xử lý được các bài tập liên quan đến kiến thức đã học*

PHONG CÁCH NGÔN NGỮ SINH HOẠT

1 Khái niệm

- Ngôn ngữ sinh hoạt là lời ăn tiếng nói hàng ngày, dùng để thông tin, trao đổi ý nghĩ, tình cảm ... đáp ứng những nhu cầu trong cuộc sống.

2 Các dạng biểu hiện

- Dạng nói, gồm các kiểu: đối thoại, độc thoại
- Dạng viết: Nhật kí, hồi ức cá nhân, thư từ
- Dạng lời nói bên trong, gồm các kiểu:

+ Độc thoại nội tâm: là tự mình nói với mình nhưng không phát ra thành tiếng.

+ Đối thoại nội tâm: tự tưởng tượng ra một người nào đó đang trò chuyện với mình, đối đáp như một cuộc thoại.

+ Dòng tâm sự: là những suy nghĩ bên trong thành một chuỗi mạch lạc, trong đó có thể có cả đối thoại và độc thoại nội tâm.

3 Đặc điểm

- Tính cụ thể: về hoàn cảnh, con người, cách nói năng, diễn đạt

+ Có địa điểm và thời gian cụ thể

+ Có người nói cụ thể

+ Có người nghe cụ thể

+ Có đích lời nói cụ thể

+ Có cách diễn đạt cụ thể qua việc dùng từ ngữ (kèm theo ngữ điệu) phù hợp với đối thoại

- Tính cảm xúc: Mỗi lời nói đều biểu thị thái độ, tình cảm qua giọng điệu (thân mật, bực bội, yêu thương, quát mắng,…); Những từ ngữ có tính khẩu ngữ và thể hiện cảm xúc rõ rệt (gì mà, ghớm, chết thôi,…); Những kiểu câu giàu sắc thái cảm xúc (câu cảm thán, câu cầu khiến), những lời gọi đáp…
- Tính cá thể:

+ Nếu được ghi bằng âm thanh thì màu sắc âm thanh trong giọng nói của từng người rất rõ.

+ Ngoài giọng nói thì cách dùng từ, cách lựa chọn kiểu câu cũng thể hiện cá tính. Lời nói là vẻ mặt thứ hai, diện mạo thứ hai của con người. Nó góp phần làm nên tính cá thể của phong cách ngôn ngữ sinh hoạt.

4 Minh hoạ

8 – 3 – 69

Đi thăm bệnh nhân về giữa đêm khuya. Trở về phòng, nằm thao thức không ngủ được. Rừng khuya im lặng như tờ, không tiếng chim kêu, không một tiếng lá rụng hoặc một ngọn gió nào đó khẽ rung cành cây. Nghĩ gì đấy Th. ơi? Nghĩ gì mà đôi mắt đăm đăm nhìn qua bóng đêm. Qua ánh trăng mờ Th. thấy biết bao là viễn cảnh tươi đẹp, cả những cận cảnh êm đềm của những ngày sống giữa tình thương trên mảnh đất Đức Phổ này. Rồi cảnh chia li, cảnh đâu buồn cũng đến nữa… Đáng trách quá Th. ơi! Th. có nghe tiếng người thương binh khẽ rên và tiếng súng vẫn nổ nơi xa. Chiến trường vẫn đang mùa chiến thắng.

(Trích Nhật kí Đặng Thuỳ Trâm)

PHONG CÁCH NGÔN NGỮ NGHỆ THUẬT

1 Khái niệm

- Là ngôn ngữ chủ yếu được sử dụng trong tác phẩm văn chương, không chỉ có chức năng thông tin mà còn thỏa mãn nhu cầu thẩm mĩ của con người.
- Là ngôn ngữ được tổ chức, xếp đặt, lựa chọn, tinh luyện từ ngôn ngữ thông thường và đạt được giá trị nghệ thuật - thẩm mĩ.

2 Đặc điểm

- Tính hình tượng

+ Là cách diễn đạt cụ thể dùng hình ảnh, màu sắc, biểu tượng để người đọc suy nghĩ đến những vấn đề trong cuộc sống.

+ Để tạo ra hình tượng ngôn ngữ, người viết sử dụng các biện pháp tu từ: ẩn dụ, so sánh, hoán dụ….

+ Từ tính hình tượng, phong cách ngôn ngữ nghệ thuật có tính đa nghĩa và tính hàm súc.

- Tính truyền cảm

+ Thể hiện ở việc người nói (viết) sử dụng ngôn ngữ không chỉ để diễn đạt cảm xúc của mình mà còn gây hiệu quả lan truyền cảm xúc, tức là làm cho người đọc cũng vui, buồn, tức giận, yêu thương,...như chính người nói (viết).

- Tính cá thể hoá

+ Thể hiện ở khả năng vận dụng các phương tiện diễn đạt chung (ngữ âm, từ vựng, cú pháp, tu từ,...) của cộng đồng vào việc xây dựng hình tượng nghệ thuật của mỗi nhà văn, nhà thơ.

+ Thể hiện trong vẻ riêng trong lời nói của từng nhân vật trong tác phẩm nghệ thuật.

+ Thể hiện ở nét riêng trong cách diễn đạt từng sự việc, hình ảnh, từng tình huống khác nhau trong tác phẩm.

3 Minh hoạ

Trời thu xanh ngắt mấy tầng cao,

Cần trúc lơ phơ gió hắt hiu.

Nước biếc trông như từng khói phủ,

Song thưa để mặc bóng trăng vào.

(Thu vịnh – Nguyễn Khuyến)

Mùa thu nay khác rồi

Tôi đứng vui nghe giữa núi đồi

Gió thổi rừng tre phấp phới

Trời thu thay áo mới

Trong biếc nói cười thiết tha

(Đất nước – Nguyễn Đình Thi)

Em nghe không mùa thu

Lá thu rơi xào xạc

Con nai vàng ngơ ngác

Đạp trên lá vàng khô.

(Tiếng thu – Lưu Trọng Lư)

PHONG CÁCH NGÔN NGỮ BÁO CHÍ

1 Khái niệm

- Ngôn ngữ báo chí là ngôn ngữ chủ yếu được sử dụng trong văn bản báo chí. Ngôn ngữ báo chí có một chức năng chung là cung cấp tin tức thời sự, phản ánh dư luận và ý kiến của quần chúng. Đồng thời nêu lên quan điểm chính kiến của tờ báo, nhằm thúc đẩy sự phát triển của xã hội.

2 Phân loại

- Báo chí tồn tại ở các dạng: báo nói, báo viết, báo hình…
- Bản tin có thời gian, địa điểm, sự kiện chính xác
- Phóng sự thực chất cũng là bản tin, nhưng được mở rộng phần tường thuật chi tiết sự kiện và miêu tả bằng hình ảnh, cung cấp cho người đọc cái nhìn đầy đủ, sinh động, hấp dẫn…
- Tiểu phẩm là một thể loại báo chí gọn nhẹ, dân dã, có sắc thái mỉa mai, châm biếm, hàm chứa chính kiến về thời cuộc…

3 Các phương tiện diễn đạt

- Từ vựng: Rất phong phú, ở mỗi phạm vi phản ánh, mỗi thể loại báo chí có một lớp từ dành riêng

+ Tin tức: sử dụng danh từ riêng

+ Phóng sự: sử dụng nhiều từ chỉ hình ảnh có trong đời sống hoặc ở một địa phương nhất định

+ Bình luận thời sự: dùng nhiều từ ngữ có sắc thái chính trị

- Ngữ pháp:

+ Câu văn trong ngôn ngữ báo chí thường ngắn gọn, rõ ràng, sáng sủa, đảm bảo thông tin chính xác

+ Câu ngắn trong tin vắn, câu dài trong bình luận, nhưng cũng có câu gắn với lời nói hàng ngày trong tiểu thuyết

- Biện pháp tu từ: Sử dụng từ ngữ thể hiện sự so sánh, liên tưởng, ẩn dụ, hoán dụ, đảo ngữ, sử dụng câu ngắn kết hợp với câu dài…

4 Đặc trưng

- Tính thông tin thời sự:

+ Luôn cung cấp thông tin mới nhất hàng ngày trên mọi lĩnh vực hoạt động xã hội (thời gian, địa điểm, đối tượng, sự việc diễn ra…).

+ Các thông tin phải đảm bảo tính chính xác, và độ tin cậy.

- Tính ngắn gọn:

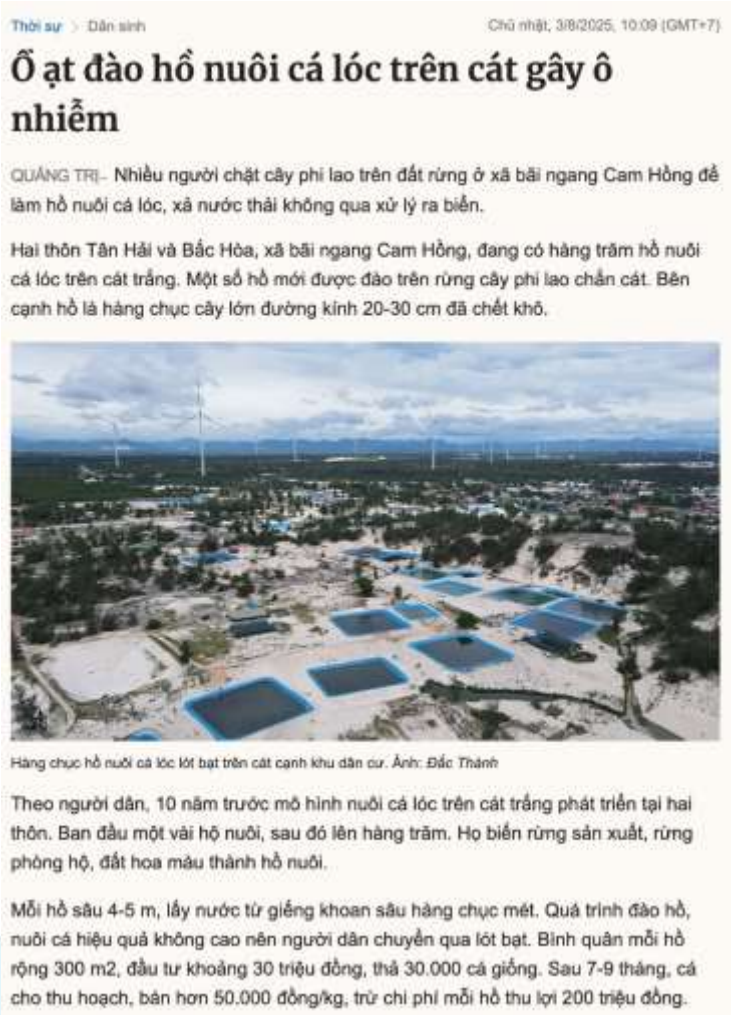
+ Lời văn báo phải ngắn gọn, lượng thông tin cao. Tiêu biểu là tin vắn, tin nhanh, tin quảng cáo. Phóng sự, bình luận có thể viết dài, song không quá chiều dài ba trang báo. Báo dài thường có tóm tắt in đậm ở đầu đề.

- Tính sinh động, hấp dẫn:

+ Thể hiện ở nội dung thông tin mới mẻ, cách diễn đạt ngắn gọn, dễ hiểu, và khả năng kích thích sự suy nghĩ, tìm tòi của bạn đọc.

+ Thể hiện ở cách đặt tiêu đề cho bài báo.

5 Minh hoạ



Thời sự › Dân sinh

Chủ nhật, 3/8/2025, 10:09 (GMT+7)

Ồ ạt đào hồ nuôi cá lóc trên cát gây ô nhiễm

QUẢNG TRỊ – Nhiều người chặt cây phi lao trên đất rừng ở xã bãi ngang Cam Hồng để làm hồ nuôi cá lóc, xả nước thải không qua xử lý ra biển.

Hai thôn Tân Hải và Bắc Hòa, xã bãi ngang Cam Hồng, đang có hàng trăm hồ nuôi cá lóc trên cát trắng. Một số hồ mới được đào trên rừng cây phi lao chắn cát. Bên cạnh hồ là hàng chục cây lớn đường kính 20-30 cm đã chết khô.

Hàng chục hồ nuôi cá lóc lót bạt trên cát cạnh khu dân cư. Ảnh: *Đắc Thành*

Theo người dân, 10 năm trước mô hình nuôi cá lóc trên cát trắng phát triển tại hai thôn. Ban đầu một vài hộ nuôi, sau đó lên hàng trăm. Họ biến rừng sản xuất, rừng phòng hộ, đất hoa màu thành hồ nuôi.

Mỗi hồ sâu 4-5 m, lấy nước từ giếng khoan sâu hàng chục mét. Quá trình đào hồ, nuôi cá hiệu quả không cao nên người dân chuyển qua lót bạt. Bình quân mỗi hồ rộng 300 m2, đầu tư khoảng 30 triệu đồng, thả 30.000 cá giống. Sau 7-9 tháng, cá cho thu hoạch, bán hơn 50.000 đồng/kg, trừ chi phí mỗi hồ thu lợi 200 triệu đồng.



Chia sẻ hàng cứu trợ cho người dân Lào bị mưa lũ cô lập



Đồng loạt dỡ nhà để chỉnh trang bờ kênh

Đôi ở TP HCM

PHONG CÁCH NGÔN NGỮ CHÍNH LUẬN

1 Khái niệm

- Ngôn ngữ chính luận là ngôn ngữ dùng trong các văn bản hoặc lời nói miệng trong các buổi hội nghị, hội thảo,… nhằm trình bày, bình luận, đánh giá những sự kiện, những vấn đề chính trị, xã hội, văn hóa, tư tưởng,… theo một quan điểm chính trị nhất định.

2 Đặc trưng

- Tính công khai về quan điểm

+ Thể hiện đường lối, quan điểm, thái độ chính trị một cách công khai, dứt khoát.

+ Căn nhắc kĩ trong dùng từ, nhất là từ ngữ thể hiện lập trường, quan điểm chính trị.

+ Tránh dùng từ mơ hồ, câu nhiều ý làm lẫn lộn chính kiến.

- Tính chặt chẽ trong diễn đạt và suy luận

+ Hệ thống lập luận chặt chẽ.

+ Thường dùng nhiều từ liên kết

- Tính truyền cảm, thuyết phục

+ Ngôn ngữ chính luận là công cụ để trình bày, thuyết phục và hấp dẫn người nghe.

+ Cần có giọng văn hùng hồn, tha thiết, bộc lộ nhiệt tình. Cần chú trọng giọng nói, ngữ điệu.

+ Thể hiện cá tính sáng tạo làm nên phong cách riêng.

3 Minh hoạ

TUYÊN NGÔN ĐỘC LẬP

"Tất cả mọi người đều sinh ra có quyền bình đẳng. Tạo hoá cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được; trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc."

Lời bất hủ ấy ở trong bản Tuyên ngôn Độc lập năm 1776 của nước Mĩ. Suy rộng ra, câu ấy có ý nghĩa là: tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng, dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do. Bản Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền của Cách mạng Pháp năm 1791 cũng nói:

"Người ta sinh ra tự do và bình đẳng về quyền lợi, và phải luôn luôn được tự do và bình đẳng về quyền lợi."

Đó là những lẽ phải không ai chối cãi được. [..]

(Chủ tịch Hồ Chí Minh)

PHONG CÁCH NGÔN NGỮ KHOA HỌC

1 Khái niệm

- Ngôn ngữ khoa học là ngôn ngữ được dùng trong giao tiếp thuộc lĩnh vực khoa học, tiêu biểu là trong các văn bản khoa học: Khoa học tự nhiên, Khoa học Xã hội và Nhân văn, Khoa học Công nghệ

+ Ở dạng viết, ngoài việc sử dụng từ ngữ, ngôn ngữ khoa học còn dùng các kí hiệu, công thức hay sơ đồ, bảng biểu,…

+ Ở dạng nói, ngôn ngữ khoa học có yêu cầu ở mức độ cao về phát âm chuẩn, về diễn đạt mạch lạc, chặt chẽ; người nói thường dựa trên cơ sở một đề cương viết trước.

2 Phân loại

- VBKH chuyên sâu:

+ Mmang tính chuyên ngành khoa học cao và sâu dùng để giao tiếp giữa những người làm công việc nghiên cứu trong các ngành khoa học.

+ Ví dụ: chuyên khảo, luận văn, luận án, tiểu luận, báo cáo khoa học,...

- VBKH và giáo khoa:

+ Nội dung được trình bày từ dễ đến khó, từ thấp đến cao, phù hợp với trình độ học sinh theo từng cấp, từng lớp; có định lượng kiến thức từng tiết, từng bài, có phần trình bày kiến thức, có phần thực hành.

+ Ví dụ: giáo trình, sách giáo khoa, thiết kế bài dạy...

- VBKH phổ cập (khoa học đại chúng):

+ Phổ biến kiến thức khoa học cho đông đảo người đọc, không phân biệt trình độ chuyên môn.

+ Ví dụ: các bài báo và sách phổ biến khoa học kĩ thuật

- Tính khái quát, trừu tượng

+ Ngôn ngữ khoa học dùng nhiều thuật ngữ khoa học: từ chuyên môn dùng trong từng ngành khoa học và chỉ dùng để biểu hiện khái niệm khoa học.

+ Kết cấu văn bản: mang tính khái quát (các luận điểm khoa học trình bày từ lớn đến nhỏ, từ cao đến thấp, từ khái quát đến cụ thể)

- Tính lí trí, logic

+ Từ ngữ: chỉ dùng với một nghĩa, không dùng các biện pháp tu từ.

+ Câu văn: chặt chẽ, mạch lạc, là một đơn vị thông tin, cú pháp chuẩn.

+ Kết cấu văn bản: Câu văn liên kết chặt chẽ và mạch lạc. Cả văn bản thể hiện một lập luận logic.

- Tính khách quan, phi cá thể

+ Câu văn trong văn bản khoa học: có sắc thái trung hoà, ít cảm xúc

+ Khoa học có tính khái quát cao nên ít có những biểu đạt có tính chất cá nhân

3 Minh hoạ

Khoa học công nghệ · Thế giới tự nhiên

Các lục địa đang khô hạn với tốc độ chưa từng thấy

Dữ liệu vệ tinh trong hai thập kỷ cho thấy thế giới đang thất thoát nước ngọt với tốc độ chưa từng có trong lịch sử.



Nguồn nước ngọt đang cạn kiệt ở nhiều nơi trên khắp thế giới. Ảnh: *New Scientist*

Kết quả đo từ vệ tinh kép GRACE của NASA và các nhiệm vụ tiếp theo cho thấy từ năm 2002, diện tích đất bị mất nước mỗi năm lớn gấp đôi diện tích bang California ở Mỹ, theo nghiên cứu công bố hôm 25/7 trên tạp chí *Science Advances*. Tình trạng này bao gồm mất nước từ nguồn dự trữ trên mặt đất như ao hồ và sông ngòi cũng như tầng ngậm nước dưới lòng đất, nguồn cung cấp nước uống quan trọng trên toàn cầu.

Những khu vực siêu khô hạn xuất hiện khắp Bắc bán cầu, vùng bị ảnh hưởng nặng nề nhất trải dài từ bờ biển phía tây Bắc Mỹ, tây nam Bắc Mỹ và Trung Mỹ, Trung Đông và Đông Nam Á. Kết quả là 75% dân số thế giới hiện nay đang sống ở khu vực mất nước ngọt, ảnh hưởng đến nông nghiệp, vệ sinh và khả năng chống chọi biến đổi khí hậu. Xu hướng trên nhiều khả năng gây ra mực hóa trầm trọng hơn cho nhiều nơi bị thiếu hụt lượng mưa.

Nhóm nghiên cứu cho rằng tình trạng mất nước trên lục địa góp phần nhiều hơn làm tăng mực nước biển toàn cầu so với thềm băng tan chảy. GRACE (Gravity Recovery and Climate Experiment) và nhiệm vụ tiếp theo đo biến động ở lực hấp dẫn Trái Đất, vốn phụ thuộc vào phân bố khối lượng bên trong hành tinh cũng như đặc điểm địa hình trên bề mặt. Cả hai nhiệm vụ đều bao gồm một cặp vệ tinh, phản ứng với lực hấp dẫn của khối nước bên dưới.

Nghiên cứu do các chuyên gia ở Đại học Arizona đứng đầu hé lộ ngay cả khu vực trước đây có xu hướng ẩm ướt cũng đang trở nên khô hạn hoặc ít nhất không còn ẩm ướt nữa. Họ kết luận quản lý kém nguồn nước ngầm là nguyên nhân chính cùng với tác động của biến đổi khí hậu như hạn hán kéo dài ở châu Âu và tầng đất đóng băng vĩnh cửu tan chảy ở khu vực Bắc Cực.

Theo dữ liệu vệ tinh, tình trạng khô hạn gia tăng vào năm 2014 khi hiện tượng El Niño mạnh nhất, gây rối loạn khí hậu toàn cầu. Đợt El Nino kéo dài đến năm 2016 gây ra mùa bão mạnh ở khu vực Thái Bình Dương, góp phần vào những đợt hạn hán tàn phá châu Phi và nhiệt độ bề mặt cao kỷ lục trên toàn thế giới.

Do các tác động liên quan đến khí hậu rất khó kiểm soát, nhóm nghiên cứu kêu gọi những biện pháp khẩn cấp nhằm quản lý nước tốt hơn. "Khai thác nước ngầm quá mức là yếu tố đóng góp lớn nhất làm giảm lưu trữ nước trên đất liền ở khu vực khô hạn. Nguồn nước ngầm cạn kiệt sẽ khó bổ sung kịp thời, gây ra mối đe dọa mới đối với nhân loại, kích hoạt hàng loạt thảm họa tiếp theo", các nhà nghiên cứu nhấn mạnh.

An Khang (Theo Yahoo, *Science Advance*)

PHONG CÁCH NGÔN NGỮ HÀNH CHÍNH

1 Khái niệm

- Ngôn ngữ hành chính là ngôn ngữ dùng trong các văn bản hành chính để giao tiếp trong phạm vi các cơ quan nhà nước hay các tổ chức chính trị, xã hội, kinh tế,… (gọi chung là cơ quan), hoặc giữa cơ quan với cá nhân, hay giữa các cá nhân với nhau trên cơ sở pháp lí.
- Về cách trình bày: các văn bản đều được soạn thảo theo một kết cấu thống nhất, thường có ba phần theo một khuôn mẫu nhất định.
- Về từ ngữ: có một lớp từ ngữ hành chính được dùng với tần số cao. (căn cứ…, được sự uỷ nhiệm của…, tại công văn số…, quyết định…, có hiệu lực từ ngày…)
- Về kiểu câu: có những văn bản tuy dài nhưng chỉ là kết cấu của một câu, mỗi ý thường được tách ra và xuống dòng, viết hoa đầu dòng.

2 Đặc trưng

- Tính khuôn mẫu: thể hiện ở kết cấu văn bản thống nhất, thường gồm ba phần: phần đầu, phần chính và phần cuối.

+ Phần đầu: Quốc hiệu và tiêu ngữ; tên cơ quan ban hành văn bản, số hiệu văn bản; địa điểm, thời gian ban hành văn bản

+ Phần chính: nội dung chính của văn bản

+ Phần cuối: chức vụ, chữ kí và họ tên của người kí văn bản, dấu cơ quan; nơi nhận

- Tính minh xác:

+ Mỗi từ chỉ có một nghĩa, mỗi câu chỉ có một ý.

+ Không dùng các phép tu từ hoặc lối biểu đạt hàm ý.

+ Không được tuỳ tiện xoá bỏ, thay đổi, sửa chữa từ ngữ trong văn bản

+ Nội dung được soạn thảo theo các căn cứ pháp lí rõ ràng và thường trình bày thành các điều, khoản, chương, mục…

- Tính công vụ:

+ Từ ngữ trong văn bản hành chính là từ ngữ toàn dân, không dùng từ địa phương, từ khẩu ngữ.

+ Biểu đạt tình cảm cá nhân hạn chế ở mức tối đa. Các từ ngữ biểu cảm nếu dùng cũng chỉ có tính ước lệ, khuôn mẫu (kính chuyển, kính mong, trân trọng kính gửi…)

+ Người kí văn bản không kí với tư cách cá nhân mà với cương vị và trách nhiệm của người đại diện cho cơ quan, tổ chức.

3 Minh hoạ

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Số : 03/2002/QĐ-BGD&ĐT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 24 tháng 1 năm 2002

QUYẾT ĐỊNH
CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
Về việc : Ban hành Chương trình Trung học cơ sở

BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

– Căn cứ Nghị định số 15/CP ngày 2 – 3 – 1993 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm quản lí nhà nước của Bộ, cơ quan ngang Bộ ;

– [...]

– Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Trung học phổ thông,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này **Chương trình Trung học cơ sở** áp dụng thống nhất trong cả nước theo tiến độ quy định trong Chỉ thị số 14/2001/CT-TTg ngày 11 – 6 – 2001 của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày kí. Vụ trưởng Vụ Trung học phổ thông có trách nhiệm hướng dẫn thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Chủ tịch UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Trung học phổ thông, Thủ trưởng các đơn vị hữu quan thuộc cơ quan Bộ Giáo dục và Đào tạo, Giám đốc các Sở Giáo dục và Đào tạo chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

KT. BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THỨ TRƯỞNG
(Đã kí)

Nơi nhận :
– Văn phòng Quốc hội
– Văn phòng Chủ tịch nước
– Văn phòng Chính phủ
– [...]